



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO BẰNG PHÁT HUY NỘI LỰC CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO
BẰNG PHÁT HUY NỘI LỰC
CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

LÊ MẠNH HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

NGUYỄN ĐỨC TÀI

NGUYỄN NGUYÊN

NGUYỄN HOÀI ANH

TS. ĐẶNG KIM SƠN

**XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO
BẰNG PHÁT HUY NỘI LỰC
CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2018

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước và là sự nghiệp của toàn dân nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư. Công cuộc giảm nghèo nhanh, bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; đồng thời, phải phát huy vai trò làm chủ của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả của Chương trình. Để thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo rất cần có sự tham gia của các tổ chức cộng đồng.

Ở Việt Nam từ xa xưa đã xuất hiện các tổ chức cộng đồng như cộng đồng theo vị trí địa lý, cộng đồng theo tôn giáo, cộng đồng theo hiệp hội,... Trải qua từng thời kỳ phát triển theo lịch sử của đất nước, nhiều tổ chức cộng đồng mới đã ra đời và vai trò của nó cũng có sự thay đổi. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, việc phát triển cộng đồng là những hoạt động được Nhà nước và nhiều tổ chức phối hợp với cộng đồng cùng thực hiện nhằm phát huy tính chủ động và sự tham gia của mọi thành viên trong cộng đồng, để họ nâng cao năng lực chủ động giải

quyết các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của mình; đồng thời cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập, đóng góp vào đời sống quốc gia.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc, đặc biệt là cho cán bộ cấp huyện, xã những kiến thức cơ bản về vai trò, cách thức tổ chức và phát triển cộng đồng góp phần thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Xóa đói giảm nghèo bằng phát huy nội lực của tổ chức cộng đồng.***

Nội dung cuốn sách giới thiệu khái quát về tổ chức cộng đồng, về sự phát triển của tổ chức cộng đồng ở Việt Nam hiện nay; về vai trò và các hình thức tổ chức cộng đồng nhằm góp phần tập hợp người dân trong cộng đồng phát huy nội lực thúc đẩy phát triển kinh tế để xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là những người dân ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa,...

Vấn đề xóa đói giảm nghèo bằng phát huy nội lực của các tổ chức cộng đồng đang được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng ở nước ta. Do vậy, trong quá trình biên soạn và biên tập, mặc dù tác giả và nhóm biên tập đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi còn thiếu sót, Nhà xuất bản và tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 6 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương 1

KHÁI NIỆM VÀ NHẬN THỨC VỀ CỘNG ĐỒNG

1. Khái niệm và phân loại cộng đồng

Cộng đồng là một nhóm người tương đối đồng nhất về mặt xã hội hay là một mạng lưới những người thường xuyên liên hệ với nhau do có cùng một số điểm chung hoặc chung mối quan tâm, chia sẻ chung giá trị hoặc lợi ích, cùng chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố tác động, cùng tham gia hoạt động nên cùng thống nhất một số cách thức hành xử do họ đặt ra. Một cộng đồng nhận biết được bằng sự đồng nhất tương đối trong ứng xử và phong cách hoạt động, tạo nên sự khác biệt với cộng đồng khác. Ban đầu, cộng đồng là tập thể người sống trên cùng một địa bàn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, cộng đồng đã vượt khỏi phạm vi địa bàn địa lý.

Có nhiều cách phân loại cộng đồng, thông dụng nhất là cách chia theo tính chất:

Cộng đồng địa lý: là cộng đồng những dân cư sống cùng nhau trên một địa bàn không gian (trong điều kiện nông thôn thông thường, quy mô

thích hợp nhất là cấp đơn vị cư trú thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, v.v.). Trong các cộng đồng mang tính đơn vị căn bản này, người dân thường có chung lịch sử và chia sẻ các giá trị văn hóa, tập quán, tôn giáo, mọi người ràng buộc với nhau bởi các mối quan hệ và các giá trị xã hội nhất định hoặc cùng nhau sử dụng một số công trình công cộng như đình, chùa, nghĩa trang, bến nước; dùng các tài nguyên của chung như khu rừng, đoạn sông, suối...

Cộng đồng đặc điểm, tính chất: là những cộng đồng được tạo nên do các thành viên có chung những đặc điểm khách quan như hoàn cảnh kinh tế, huyết thống, điều kiện sức khỏe, giới tính... Ví dụ, cộng đồng người cùng dân tộc, cộng đồng tín đồ cùng tôn giáo, cộng đồng những người cùng khuyết tật, cộng đồng người nghèo... Bên cạnh đó, cũng có những cộng đồng mà sự gắn kết của thành viên được tạo nên bởi các trải nghiệm chung, ví dụ cộng đồng cựu chiến binh, cộng đồng kiều dân ở nước ngoài, cộng đồng đồng hương, cộng đồng học sinh cùng học một trường, v.v..

Cộng đồng sở thích, mục đích: là những cộng đồng được tạo nên bởi các thành viên có chung một mối quan tâm hoặc có chung mục đích hoạt động. Ví dụ các cộng đồng những người yêu thích sách, cộng đồng những người làm vườn... Loại

cộng đồng này có thể gồm cả các nhóm thành viên có cùng hoạt động sản xuất, kinh doanh hay cùng hoạt động xã hội như cộng đồng những người làm vườn, cộng đồng phụ nữ dân tộc,... Một người có thể đồng thời là thành viên một hay nhiều cộng đồng khác nhau; một cộng đồng có thể bao gồm nhiều cộng đồng khác.

2. Vai trò của cộng đồng

Xuất phát từ cuộc sống bầy đàn, khi con người hình thành các gia đình độc lập trong tập thể thì quan hệ cộng đồng đã xuất hiện giúp các gia đình riêng phối hợp nhau thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi sức mạnh chung như cùng sản xuất, cùng kiếm sống, cùng bảo vệ và nâng đỡ, chia sẻ tình cảm. Sinh hoạt cộng đồng đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất của cuộc sống con người: phối hợp công việc theo năng lực, chia sẻ kiến thức, an ủi tình cảm, động viên hành động tốt, phê phán thói xấu nhờ đó hình thành nên đạo đức, tập quán và quy tắc trong tập thể. Chính bầu không khí văn hoá và trật tự không thành văn này đã giúp các cộng đồng có thể chia sẻ khó khăn, phối hợp sức mạnh, hỗ trợ kinh tế, phân công trách nhiệm trong các hoạt động tập thể, nhờ đó sức mạnh của tập thể được nhân lên chứ không phải chỉ cộng lại, làm nên sự khác biệt của xã hội loài người trong sinh giới.

Lời thề của sinh viên Đại học Stanford

Stanford là một trường đại học nổi tiếng ở California, Mỹ, về chất lượng đào tạo và các công trình nghiên cứu khoa học. Khi nhập học, mọi học sinh tuyên thệ với “lời thề của Đại học Stanford” rất độc đáo. Nội dung lời thề đại ý là: Trong suốt thời gian đào tạo ở trường, vì danh dự, uy tín và chất lượng của sinh viên và nhà trường, mọi kỳ thi sinh viên sẽ hoàn toàn tự giác làm bài, không chấp nhận mọi hình thức quay cóp, hỏi bài, tranh thủ, lợi dụng nào... tất nhiên nếu vi phạm sẽ bị xử lý không chỉ bằng “cơ chế nhà nước” như kỷ luật, đuổi học mà còn chịu phạt nặng về “cơ chế thị trường” vì tiền phạt và học phí đóng rất cao và phạt cả bằng “cơ chế cộng đồng”, những trường hợp xấu bị nêu gương qua nhiều thế hệ sinh viên và thông báo rộng rãi trong và ngoài trường.

Thực hiện lời thề đó, về phía nhà trường, trong mọi cuộc thi, kiểm tra chất lượng, giáo viên chỉ giao đề bài cho lớp, quy định đúng thời gian, địa điểm, hình thức nộp bài, rồi sau đó đến nhận bài về chấm và thông báo điểm cho sinh viên. Giáo viên không được phép tỏ ý nghi ngờ, đến giám sát hoặc làm phiền sinh viên đang làm bài thi. Về phía sinh viên sau khi nhận đề thi, tự giác làm bài, có thắc mắc gì về nội dung câu hỏi mới liên lạc hỏi lại giáo viên, tuyệt đối không trao đổi, thảo luận, hết thời gian tự giác nộp bài. Với quy chế độc đáo này, các hình thức thi của

trường rất đa dạng, thực dụng và cũng rất khó, có những môn thi viết sinh viên ngồi liên tục trong phòng hàng mấy tiếng đồng hồ, cũng có môn phải đến thư viện tham khảo hàng đống tài liệu, lên Internet tìm thông tin, đến phòng thí nghiệm chạy máy tính, hay ở nhà để suy nghĩ viết bài trong vài ngày.

Nhưng dù cách gì, cái chính là phải tự lực làm bài. Quy chế đã biến kỷ luật thi cử vốn là quan hệ học sinh và thầy giáo sang thành danh dự và quyền lợi của cả cộng đồng sinh viên. Nếu một sinh viên phạm luật là phản bội và không trung thực với cả tập thể. Không có gì chặt chẽ bằng sinh viên tự quản lý mình và giám sát lẫn nhau, không ai tán thành và cho phép mình cũng như người khác vi phạm quy chế. Nhờ đó, luật chơi chung được tôn trọng năm này qua năm khác, trở thành cơ chế tự bảo vệ vững vàng trong cộng đồng sinh viên và tiếng tăm tốt đẹp của nhà trường và những người do trường đào tạo.

Cùng với tiến trình phát triển xã hội loài người, vai trò tập thể của cộng đồng được nâng dần lên trong hoạt động hàng ngày với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chiến đấu, ngoại giao, chính trị, văn hoá... Ở mọi nơi, mọi lúc, quan hệ cộng đồng giúp giảm bớt phần lớn chi phí giao dịch. Do mọi người hiểu biết rõ về nhau và ràng buộc chặt về các quan hệ đa chiều nên thông tin, kiến thức, kỹ năng được chủ động chia sẻ, phân

công công việc trở nên nhanh chóng và chính xác. Cơ chế giao dịch và luật lệ nhanh chóng thống nhất từ trước giữa các thành viên làm giảm rủi ro, tránh được mâu thuẫn trong quan hệ. Đây là những tính chất được tạo thành nhờ quan hệ cộng đồng và có ý nghĩa rất quan trọng để liên kết buôn bán, phối hợp chiến đấu, hợp tác làm ăn, quản lý xã hội, khai thác tài nguyên, bảo đảm an ninh, thúc đẩy ngoại giao của cộng đồng với xã hội bên ngoài.

Trong xã hội hiện đại, vai trò của cộng đồng đã thay đổi nhiều nhưng vẫn không kém phần quan trọng. Cơ chế thị trường tạo nên động lực mạnh mẽ cho xã hội loài người sáng tạo và làm việc hăng hái để thu lợi nhuận, nâng cao mức sống vật chất đồng thời gây ra tâm lý căng thẳng, tư duy cạnh tranh, ích kỷ vụ lợi của cá nhân từng con người. Quan hệ cộng đồng trở thành giải pháp vô cùng quan trọng giúp con người tái lập cân bằng trong xã hội, gìn giữ những giá trị cao đẹp cho cuộc sống. Các thiết chế của nhà nước pháp quyền thiết lập môi trường trật tự và hạn chế rủi ro cho quá trình phát triển nhưng cũng tạo nên hoàn cảnh sống nghiêm ngặt, quan hệ tôn ti trật tự tẻ nhạt, cản trở tinh thần năng động. Quan hệ cộng đồng đã trở thành nguồn cội tự nhiên để nuôi dưỡng sự sáng tạo dân chủ, không khí tự do cho cá nhân và sự đa dạng trong đời sống con người.

Tổ chức cộng đồng trở thành cán cân để cân bằng quyền lực, ngăn chặn mọi nguy cơ lạm dụng quyền hạn trong xã hội.

3. Hoạt động của cộng đồng

- Thông tin và giá trị xã hội trong cộng đồng

Những thành viên trong một cộng đồng liên kết với nhau bằng những mối quan hệ tự nhiên thì thông tin giữa họ hình thành một cách hoàn toàn tự giác theo kiểu “trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã tường”. Sự gần gũi về địa bàn, gắn bó về sở thích, đồng cảm về tính chất tạo cho các thành viên trong cộng đồng cơ hội dễ dàng cảm nhận, hiểu biết, nắm bắt tình hình của nhau và dễ dàng trao đổi thông tin với nhau với “chi phí” rất thấp. Như vậy, việc trao đổi thông tin minh bạch là điều kiện tiên quyết để xây dựng quan hệ cộng đồng.

Để thực hiện được việc này các thành viên trong cộng đồng cần có khoảng cách gần gũi để thuận tiện quan sát và ghi nhận thông tin, hoặc phải có thời gian sống cạnh nhau đủ dài để thu thập thông tin về đối tượng theo kiểu “thức khuya mới biết đêm dài, ở lâu mới biết con người có nhân”. Một cách thu thập thông tin quan trọng khác là thông qua các sự kiện điển hình đặc biệt để đánh giá đối tượng theo kiểu “lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Trong xã hội hiện đại, sự phát

triển của Internet, phương tiện thông tin đại chúng đã làm thay đổi cách thu thập thông tin. Một tầng lớp “người của công chúng” với nhiều “giá trị” được tạo nên bởi thông tin qua báo chí, truyền hình đã xuất hiện. Những người này trở thành đại sứ thông tin, kết nối mọi người vào một cộng đồng lớn hơn, khoảng cách không gian, thời gian không còn là vật cản đáng kể.

Sự hiểu biết về hoàn cảnh kinh tế, tính cách, các mối quan hệ lẫn nhau đã giúp những người trong cùng cộng đồng dễ dàng đánh giá được các “giá trị xã hội” của từng cá nhân hoặc từng gia đình. Giá trị xã hội là mức độ đo lường sự kính trọng, tin cậy, yêu mến của các thành viên trong cộng đồng với từng cá nhân. Nó hình thành nhờ sự đánh giá lâu dài của cộng đồng với nhau thông qua năng lực cống hiến, hành vi cư xử của mỗi cá nhân như người tử tế, trung thực, chăm chỉ, tốt bụng, nhiệt tình,... được đánh giá cao. Nó cũng chịu tác động tổng hợp các mối quan hệ giữa người với người trong một cộng đồng như xuất thân gia đình, tầng lớp xã hội... Những người giàu có, khoẻ mạnh, đẹp đẽ, khéo léo, giỏi giang, học thức, hiểu biết,... thường có giá trị xã hội cao hơn.

Những “giá trị” này được sử dụng phổ biến trong mọi giao dịch trao đổi giữa các thành viên bên trong cộng đồng như các hoạt động quan hệ buôn bán, phối hợp làm ăn, hỗ trợ công việc, dựng

vợ gả chồng... Mức độ đánh giá “giá trị xã hội” của mỗi cá nhân trong một cộng đồng ảnh hưởng quan trọng đến chi phí nhiều hay ít và khả năng thiết lập quan hệ chặt hay lỏng với thành viên khác. Những người được đánh giá là “đáng tin cậy”, “đáng trọng nề” thì dễ dàng hơn nhiều trong việc xây dựng và có thể tiến hành cam kết chỉ bằng lời nói hoặc thậm chí đứng ra bảo lãnh để liên kết hai đối tượng không quen biết lẫn nhau, hoặc đứng ra làm trung gian hòa giải giữa hai đối tượng có mâu thuẫn. Ngược lại, đối với những người được đánh giá “không đáng tin cậy” sẽ rất khó được các thành viên khác hợp tác và nếu có, thì các cam kết phải được làm bằng văn bản, có xác nhận của chính quyền hoặc phải có tài sản thế chấp, hoặc họ chỉ được thanh toán khi đã thực hiện xong cam kết.

Chính vì giá trị xã hội được tính đến và trở thành giá trị kinh tế, chính trị thực sự trong đời sống nên trong một cộng đồng, việc gìn giữ, tích lũy, đầu tư xây dựng giá trị xã hội là đặc biệt quan trọng, thể hiện thành các thang bậc, các tầng nấc xã hội, ví dụ được công nhận là trai làng trưởng thành, được tôn xưng là hàng trưởng lão, được công nhận là bậc có học vấn trong làng... Chính việc tôn trọng, gìn giữ giá trị xã hội làm cho con người trong cộng đồng chăm lo xây dựng hình ảnh, vị thế xã hội của mình và

nhờ đó phát triển vốn tài nguyên con người chung, hình thành văn hoá, đạo đức trong cộng đồng. Đây là sức mạnh tự nhiên, sức đề kháng của cộng đồng trước các tác động trái chiều của cơ chế thị trường và tham vọng chính trị làm tan vỡ quan hệ cộng đồng.

Trong xu thế đô thị hóa và toàn cầu hóa, cộng đồng hiện đại bị xáo trộn rất nhiều bởi tình trạng di cư. Công việc của con người và không gian cư trú của dân cư đã chuyển từ ổn định lâu dài sang tạm thời và biến động dẫn đến sự mất cân bằng về giới tính, tuổi tác, cơ hội trong các cộng đồng. Người trẻ, người có kiến thức tập trung về đô thị. Người già và trẻ em ở lại nông thôn. Thị trường lao động theo tính chất chuyên môn của công việc cũng kéo sự theo mất cân bằng giới tính ở một số vùng nông thôn. Tại miền núi, sự xáo trộn giữa các dân tộc thiểu số trên cùng địa bàn diễn ra đã kéo theo sự đan xen về tôn giáo, văn hóa. Tình trạng này làm đứt gãy quan hệ thông tin tự nhiên giữa người với người trong một cộng đồng cổ truyền. Con người và gia đình thường xuyên thay đổi, khiến các mối quan hệ dài hạn đáng tin cậy trở thành ngắn hạn xa lạ. Quan hệ cộng đồng đang đứng trước những thử thách và cũng là cơ hội mới to lớn.

Điều quan trọng là dù khác biệt rất nhiều nhưng các giá trị xã hội vẫn tồn tại và phát triển

sang những nội dung mới. Các hình thức và phương tiện thông tin trở nên đa dạng hơn rất nhiều. Thông tin giữa các thành viên có thêm các mối liên hệ ảo gián tiếp thông qua điện thoại, mạng xã hội, phương tiện truyền thông đại chúng. Cộng đồng hiện đại trở nên rộng lớn và linh động hơn. Thời gian thiết lập quan hệ ngày nay có thể rất nhanh, thậm chí gần như tức thời, quy mô không gian trở nên vô tận, có thể kết nối toàn cầu. Quan hệ trong cộng đồng xuất hiện nhiều khía cạnh đa chiều rất tổng hợp. Cơ chế cộng đồng kết hợp chặt chẽ với cơ chế thị trường và cơ chế nhà nước, cùng điều tiết quan hệ giữa người với người một cách tổng hợp. Khái niệm cộng đồng ngày nay mang nhiều nội dung mới và trở nên rất mạnh mẽ.

- *Quy ước cộng đồng*

Để giảm bớt chi phí quan hệ giữa cá nhân với nhau trong một cộng đồng, các thành viên thống nhất đặt ra các hương ước, lệ làng để thể chế hoá các quy tắc quan hệ chung và tự giác thi hành với nhau. Các quy tắc này rất đa dạng, từ thủ tục thực hành các tín ngưỡng tôn giáo, quy định nội bộ trong sinh hoạt họ hàng, cho đến các quy tắc bảo vệ môi trường và duy trì an ninh trên địa bàn thôn làng, các trình tự thống nhất khi tổ chức sản xuất hoặc giao dịch kinh doanh. Việc áp dụng các bộ quy tắc là cách làm giảm chi phí giao dịch,

tăng mức độ tin cậy giữa các thành viên. Nhờ đó, thành viên trong cộng đồng nhận được các lợi ích vô hình và thi hành các nghĩa vụ nhất định, tạo nên sức mạnh tập thể cho cộng đồng và tạo ra giá trị gia tăng riêng của nó.

Tục cưới cheo ở làng quê Việt Nam

Lệ nộp cheo là một tục lệ rất phổ biến và quan trọng tại các làng quê Việt Nam trước đây. Vào thời phong kiến, các loại giấy tờ như hộ tịch và giấy đăng ký kết hôn chưa tồn tại, việc nộp cheo được coi là một thủ tục dĩ nhiên phải làm để hợp thức hóa đám cưới trước cộng đồng và chính quyền địa phương.

*Nuôi lợn thì phải vớt bèo,
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng*

Nộp cheo có thể dưới dạng tiền, hoặc bằng hiện vật để xây dựng, trùng tu các công trình công cộng của làng. Khoản cheo do người con trai nộp cho làng người con gái để cộng đồng công nhận người con trai là rể của làng. Sau khi người con trai được cấp “tờ phái cheo” xác nhận đã nộp cheo đầy đủ thì đám cưới mới được coi như hợp pháp.

*Có cưới mà chẳng có cheo
Dẫu rằng có giết mười heo cũng hoài*

Mặc dù có luật của triều đình quy định rõ không được phép thu số cheo quá nặng, hoặc cấm thu cheo

con gái đi lấy chồng ở làng khác nặng hơn con gái lấy chồng trong làng, nhưng thực tế mỗi làng đều tự đặt ra quy định về số cheo muốn thu, cũng như mục đích sử dụng cheo. Thực tế việc phân biệt cheo nội và cheo ngoại rất phổ biến, nghĩa là cheo thu đối với các chàng rể làng khác thường cao hơn nhiều so với chàng rể cùng làng.

Tục thách cưới tại các vùng dân tộc miền núi

Trong các cộng đồng tại miền núi, thách cưới là một tập tục rất phổ biến và vẫn còn tồn tại. Tại các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, nơi chế độ mẫu hệ khá phổ biến, nhà gái thường phải mang sang nhà trai một số tài sản có giá trị để xin chàng rể về nhà. Đó có thể là một vài con trâu, bò, lợn, hoặc đồ trang sức bạc, thậm chí nhiều nơi yêu cầu tài sản lớn gồm cả gia súc lẫn tiền mặt. Tương tự, tại các vùng đồng bào dân tộc theo chế độ phụ hệ, nhà trai phải mang một số lượng lễ vật có giá trị lớn đến nhà gái nếu muốn xin cưới người con gái về làm vợ.

Thách cưới được coi là hình thức hợp pháp hóa và được coi như cách tạo sự ràng buộc cho các cuộc hôn nhân. Ví dụ theo tục của người Êđê, sau khi cúng lễ, các cặp trai gái phải làm cam kết. Theo đó, nếu người chồng tự ý bỏ vợ, gia đình người chồng phải hoàn lại toàn bộ sính lễ cho gia đình người vợ. Nếu người vợ tự

ý bỏ chồng, gia đình người vợ mất toàn bộ sinh lễ đem đến nhà trai.

Mặc dù là tập tục phổ biến và vẫn đang được áp dụng hiện nay, thách cưới cũng được điều chỉnh khá linh hoạt tùy thuộc vào gia đình cô dâu chú rể. Số sinh lễ được đặt ra phụ thuộc vào gia đình thông gia và với các gia đình khó khăn, gia đình thông gia có thể cho nợ sinh lễ hoặc nhà trai/nhà gái có thể trả sinh lễ bằng sức lao động.

Trong xã hội hiện đại, khi luật pháp trở nên hoàn chỉnh và chặt chẽ thì trong một số trường hợp, các quy định “phi quan phương” của cộng đồng có thể bị lu mờ. Thêm vào đó, cơ chế thị trường phát triển mạnh đã định hướng hành vi của con người theo lợi ích kinh tế, khiến cho hình thức hợp tác bằng hợp đồng mua bán kinh tế và các hình thức liên doanh liên kết trở nên phổ biến thách thức nghiêm trọng các giá trị văn hóa và xã hội của quan hệ cộng đồng. Mức độ tín nhiệm với con người đôi khi không còn dựa trên vai trò tấm gương và mức độ đóng góp, hy sinh của họ cho sự nghiệp chung, mà quyết định bởi mức độ giàu có trong xã hội hoặc địa vị trong chính quyền. Thái độ của cộng đồng với con người tiêu biểu đã chuyển từ yêu mến, tin cậy sang kính nể, tuân phục. Xu hướng định vị giá trị mới này của các cá

nhân đang trở thành thách thức việc phát triển các giá trị có ích chung cho cộng đồng.

Sự xói mòn trong quan hệ cộng đồng dân tộc và quan hệ với tự nhiên ở Tây Nguyên

Nhà văn Nguyễn Ngọc kể: trong ngôn ngữ Cốtú, khi gọi một con sông, ngọn núi, khúc suối, khu rừng,... bao giờ cũng đi kèm đại từ sở hữu “apêê”, nghĩa là “của mình”. “Mình” của người Tây Nguyên là cộng đồng làng bản. Làng có lãnh thổ và ranh giới địa giới rất cụ thể mang ý nghĩa sở hữu tập thể, quản lý bằng tập tục mà đại diện là già làng. Nhờ thể chế và tinh thần cộng đồng này, người Tây Nguyên qua bao đời đã và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc, sống hài hòa với thiên nhiên, chống ngoại xâm.

Sau năm 1975, toàn bộ đất đai được quy định thuộc sở hữu toàn dân. Đất và rừng được giao cho các Liên hiệp xí nghiệp nông lâm công nghiệp quản lý. Rừng bị khai thác ồ ạt. Từ năm 1993, quyền quản lý lãnh thổ và tài nguyên chuyển sang các ban quản lý rừng đặc dụng, các nông trường, lâm trường. Khai thác hết gỗ, Nhà nước có chính sách chuyển sang trồng rừng bằng các chương trình “phủ xanh đất trống”, “trồng mới 5 triệu ha rừng”, người dân lại thấy mình trở thành người làm thuê rẻ công để trồng rừng, gác rừng trên mảnh đất đã trở nên xa lạ.

Mất ý thức làm chủ, không còn gắn bó với thiên nhiên, các tập tục cũng phai nhạt, vai trò của cộng đồng mất đi, trưởng bản, già làng không còn sức mạnh, người dân trở nên bàng quan và hướng theo quyền lợi vật chất trước mắt. Một số tiếp tay cho lâm tặc, tự tay phá rừng, bẫy thú, khai thác vàng, đốt rẫy, đốt cháy cả rừng, hủy hoại thiên nhiên... Đời sống vật chất, văn hoá của người dân tộc biến đổi nhanh chóng. Với 5 tỉnh là Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum, Tây Nguyên có tổng diện tích đất tự nhiên hơn 5.600.000 ha, trong đó diện tích rừng chiếm đến 3.140.000 ha. Theo báo cáo của chi cục kiểm lâm 5 tỉnh Tây Nguyên thì từ năm 2000 đến nay, diện tích rừng đã bị giảm hơn 30%. Mặc dù các cơ quan chức năng đã bắt và truy tố hơn 9.000 vụ trong gần 10 năm qua, nhưng lâm tặc vẫn dùng mọi thủ đoạn để phá rừng. Những năm gần đây, rừng Tây Nguyên bị giảm sút nghiêm trọng cả về diện tích và tính đa dạng sinh học.

- Tài nguyên của cộng đồng

Cộng đồng truyền thống là những nhóm người sống trên cùng địa bàn, hoặc có chung nhau một tính chất, nên hoạt động của họ thường gắn với một số kết cấu hạ tầng và tài nguyên nhất định - nhiều khi các tài sản này được coi là dấu ấn văn hóa, đồng thời cung cấp dịch vụ cho cộng đồng. Thời xưa, tài sản công cộng có thể là lũy tre,

tường bao quanh làng để bảo vệ; là đình, chùa, đền, miếu phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh; là ao, chuôm, giếng nước, suối, kênh cung cấp nguồn nước; là rừng cây, cây cổ thụ, vườn cảnh làm môi trường xanh đẹp... Với đồng bào dân tộc, tài sản đó có thể là rừng cây, đồng cỏ, đồi núi,... để phục vụ nhu cầu sinh kế và môi trường. Ngày nay trong các cộng đồng hiện đại, tài sản đó là nhà văn hóa, chợ, hệ thống cấp thoát nước... để phục vụ sinh hoạt. Các tài nguyên này được cộng đồng đóng góp xây dựng, bảo vệ và cung cấp dịch vụ cho cộng đồng. Chi phí duy tu, bảo dưỡng, các quy định bảo vệ, tôn tạo thường thuộc thẩm quyền của cộng đồng ban hành với sự xác nhận và ủng hộ của Nhà nước.

Theo quy định của luật pháp Việt Nam, tất cả các tài nguyên tự nhiên chính như đất, nước, rừng, biển... đều thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước đại diện quản lý. Vì vậy, khái niệm tài sản cộng đồng ở nhiều nơi bị nhìn nhận khác đi. Các tài sản này trở thành tài sản do nhà nước, các cơ quan chính quyền địa phương trực tiếp quản lý. Quyền lực của cộng đồng địa phương bị giới hạn. Một số kết cấu hạ tầng cộng đồng như lũy tre, ao làng, nghĩa trang cũng trở thành kết cấu hạ tầng và tài nguyên thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương, các cộng đồng không còn tài sản để hoạt động, đầu tư, quản lý. Tương tự như

vậy, các kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống như chợ, nhà văn hóa, thậm chí một số đình, miếu vốn được sử dụng như nơi sinh hoạt công cộng trước đây, thì nay phụ thuộc vào sự quản lý của chính quyền địa phương.

Khi còn là tài sản của cộng đồng, sự khai thác, sử dụng, quản lý các tài sản này tuy trực tiếp do những người làm đại diện của cộng đồng cử ra nhưng toàn thể các thành viên của cộng đồng có quyền hưởng lợi và có thái độ tự giác giám sát tài sản chung trên toàn bộ thời gian và không gian. Khi chuyển sang Nhà nước quản lý, các tài sản này được giao cho các cá nhân (có thời gian công tác giới hạn) hoặc đơn vị (có không gian quản lý giới hạn). Tài sản công có nguy cơ bị lạm dụng trong khi người dân bị mất quyền đã không còn thái độ làm chủ. Có nơi đất công bị cho thuê, cho các đối tượng sản xuất kinh doanh hợp đồng sử dụng, bị sung công để sử dụng ngoài phạm vi cộng đồng, bị bán đi sung công quỹ, công trình xuống cấp vì không có kinh phí duy tu, khía cạnh tài nguyên vật chất của cộng đồng không còn thể hiện rõ ràng.

Tóm lại, bên cạnh những yếu tố - thông tin, giá trị xã hội, quy ước nội bộ, tài nguyên của cộng đồng như đã nêu ở trên, thông thường cộng đồng còn chịu ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài là tác động của chính quyền. Cơ quan quản lý nhà nước

có thể phân công, phân cấp, công nhận vai trò của cộng đồng hoặc phong chức tước cho thủ lĩnh cộng đồng hoặc cũng có thể phủ nhận vai trò của tổ chức cộng đồng, có thể định đoạt, quản lý, sử dụng tài nguyên của cộng đồng, có thể công nhận, xoá bỏ hoặc thay đổi các quy ước nội bộ của cộng đồng. Ngược lại, trong nhiều trường hợp, cũng có trường hợp những nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền từ Nhà nước hay sự ngăn cấm của nó có được cộng đồng tiếp nhận một cách chủ động, tự giác hay không cũng là vấn đề phải tính đến tùy theo sự đồng nhất với lợi ích, tập tục, sức mạnh của cộng đồng như câu: “lệ làng, phép nước”.

**Nhà Nguyễn tổ chức Đội Hoàng Sa
trấn giữ biển Đông**

Để thi hành quyền quản lý lãnh thổ biển đảo quốc gia, từ thế kỷ XVI, triều đình nhà Nguyễn tổ chức “Đội Hoàng Sa” từ lực lượng cư dân xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Đội được thành lập trên cơ sở tuyển chọn 70 dân đinh trai tráng khỏe mạnh, bơi lội giỏi của 13 họ tộc trong xã. Cứ đến tháng 3 hằng năm, Đội Hoàng Sa nhận được lệnh của nhà vua, sẽ tổ chức lực lượng và trang bị, lương thực đủ dùng trong 6 tháng rồi đi trên 5 chiếc thuyền đến các đảo

của quần đảo Hoàng Sa và ở lại đó đến tháng 8 thì trở về báo cáo nhà vua.

Đội Hoàng Sa là một tổ chức vừa mang tính quân sự, vừa mang tính dân sự, vừa có chức năng kinh tế vừa có chức năng quản lý, bảo vệ an ninh quốc phòng ở biển Đông. Nhiệm vụ của đội là đánh bắt các hải sản quý trên vùng biển đảo Hoàng Sa, đo đạc thủy trình các vùng nước nông sâu, có cát ngầm đá mỏm, ước lượng khoảng cách từ quần đảo tới các huyện đất liền để lập bản đồ. Từ năm Minh Mạng thứ 17, ngoài nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ thủy trình, hằng năm Đội Hoàng Sa còn thực hiện nhiệm vụ cắm cọc mốc, dựng bia thể hiện chủ quyền trên biển đảo.

Đối với nhà nước, triều đình nhà Nguyễn chỉ đạo hoạt động của đội rất sát sao. Đích thân vua Minh Mạng đã nhiều lần xuống chiếu thưởng phạt cho hoạt động này. Đối với cộng đồng, những người lính của Đội Hoàng Sa được người dân Lý Sơn coi là các anh hùng. Hằng năm vào ngày 16 tháng 3 âm lịch, đảo Lý Sơn tổ chức long trọng “Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa”, nhằm tưởng nhớ những người đã hy sinh, đóng góp công sức, tri ân công đức của các bậc tiền nhân trên đảo trong việc khẳng định và gìn giữ chủ quyền Hoàng Sa.

Trong nhiều trường hợp khác, để hài hòa lợi ích các bên, để huy động sức mạnh cộng đồng, khắc phục sự hạn hẹp về năng lực của nhà nước, chính

quyền có thể phân cấp, trao quyền cho cộng đồng thực hiện các dịch vụ công, phục vụ đối tượng mà xét về trách nhiệm và quyền hạn vốn không nằm trong thuộc tính sẵn có của cộng đồng. Ví dụ làng miếu của các anh hùng dân tộc được chính quyền xây dựng và có sắc phong giao lại cho cộng đồng địa phương quản lý, chăm sóc, hương khói. Hay dân cư một số địa phương biên giới, hải đảo được chính quyền giao nhiệm vụ kiểm soát, thi hành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, gìn giữ lãnh thổ. Chính quyền giao rừng đầu nguồn, các khu bảo tồn thiên nhiên cho cộng đồng địa phương bảo vệ và chăm sóc, v.v..

Chương 2

TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

1. Định nghĩa tổ chức cộng đồng

Tổ chức cộng đồng là một tổ chức mang tính tự quản của các thành viên trong một cộng đồng, tự nguyện hợp tác, thống nhất hoạt động theo tôn chỉ, sẵn sàng cùng nhau thực hiện những hành động tập thể để đáp ứng nguyện vọng, thoả mãn nhu cầu, nhằm xây dựng hay bảo vệ những giá trị và lợi ích chung của các thành viên. Như mọi tổ chức xã hội khác, tổ chức cộng đồng thường thống nhất về luật lệ, cách thức hoạt động, có sự phân công sắp xếp về kết cấu bộ máy và thống nhất về cách thức đóng góp để duy trì hoạt động. Trong một số trường hợp cần thiết, tổ chức cộng đồng phải đăng ký và được nhà nước công nhận.

Đặc điểm nhận biết quan trọng của tổ chức cộng đồng là tổ chức do các thành viên trong một cộng đồng nhất định tham gia (cộng đồng địa lý, cộng đồng sở thích...) và nhằm đem lại lợi ích chung cho tập thể thành viên, không vì mục tiêu lợi nhuận hay chính trị từ bên ngoài cộng

đồng. Hoạt động của tổ chức cộng đồng theo nguyên tắc: tự nguyện của các thành viên, đoàn kết trên tinh thần có đi có lại, tham gia trực tiếp và quan hệ trực tiếp, lãnh đạo bằng thuyết phục và làm gương.

Khác với các tổ chức sản xuất kinh doanh, hoạt động của các tổ chức cộng đồng không nhằm tối đa hoá lợi nhuận, không nhằm tìm kiếm lợi tức để chia cho các thành viên, mặc dù các tổ chức này có thể tạo ra điều kiện thuận lợi phát triển sinh kế cho thành viên, giúp họ cải thiện đời sống. Một khi bị sử dụng vào các mục đích tối đa hóa lợi nhuận thì những tổ chức này đã không còn mang tính chất tổ chức cộng đồng nữa. Cần lưu ý rằng một cộng đồng vẫn có thể có những tổ chức sản xuất kinh doanh của mình để thu lợi nhuận từ bên ngoài về phục vụ cho nhu cầu của tập thể. Đây là các tổ chức của cộng đồng nhưng các tổ chức loại này không được coi là loại hình tổ chức cộng đồng.

Tổ chức cộng đồng có thể tham gia cùng các cơ quan nhà nước trong các hoạt động phát triển chung, đem lại lợi ích cho cộng đồng đồng nhất với lợi ích công cộng, hoặc cán bộ đại diện cho cộng đồng có thể tham gia các tổ chức dân cử hoạt động vì mục tiêu phục vụ cộng đồng. Với tư cách là thành viên của tổ chức cộng đồng, họ khác biệt với vai trò cán bộ của cơ quan nhà nước hay nhân

viên các tổ chức chính trị khác là không hoạt động để tranh thủ quyền lực cho mình hoặc phục vụ các nhiệm vụ trái với lợi ích của cộng đồng mình.

2. Thủ lĩnh cộng đồng

Trong một tổ chức cộng đồng, giữa các thành viên có sự khác biệt tự nhiên về sức khỏe, giới tính, trình độ văn hóa, điều kiện kinh tế và tính đa dạng hoạt động (sản xuất, chiến đấu, bảo vệ an ninh, quản lý tài nguyên, phát triển văn hóa...). Vì thế, tùy theo mục đích hoạt động, đương nhiên hình thành các việc phân công công việc, phối hợp hành động, phân chia kết quả. Để các hoạt động trên diễn ra hiệu quả, phải có người đứng đầu chủ trì việc lập kế hoạch, giám sát hoạt động, thưởng phạt cho các thành viên cộng đồng, đó là những người lãnh đạo cộng đồng hay còn gọi là thủ lĩnh cộng đồng.

Anh hùng Đinh Núp tổ chức dân làng đánh Pháp

Đinh Núp sinh năm 1914 tại làng Stôr, xã Tô Tung, huyện KBang, tỉnh Gia Lai, là người dân tộc Bana. Trong kháng chiến, quân Pháp tràn về các làng bản Tây Nguyên để cướp phá, bắt dân đi phu. Trước một kẻ thù hùng mạnh, trang bị súng đạn hiện đại, nhân dân tuy căm thù giặc nhưng chỉ biết bỏ chạy,

trốn lên rừng, không ai dám đánh lại quân xâm lược. Với hiểu biết mộc mạc, đồng bào dân tộc cho rằng quân Pháp không phải người thường, không thể đánh lại nổi.

Trong một trận quân Pháp càn vào làng năm 1935, Núp năm đó mới 21 tuổi, đã một mình ở lại phục kích, dùng nỏ bắn chết một lính Pháp rồi vận động dân làng không bỏ chạy mà đứng lên chiến đấu tự vệ. Hiện tượng tên lính Pháp dù có mũ, áo, giày da hiện đại nhưng vẫn bị đổ máu vì tên nỏ của Núp đã trở thành minh chứng đáng tin cậy với dân làng rằng lính Pháp cũng là người, có thể chống lại được bằng vũ khí thô sơ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tin ở chính mình, đồng bào dân tộc trong làng Stơ đã đi theo sự chỉ huy của Núp, tổ chức du kích, xây làng chiến đấu, chế tạo vũ khí, tận dụng địa hình hiểm trở, dùng hầm chông, bẫy đá, tên nỏ chống lại các cuộc càn quét. Đội du kích của làng đã bảo vệ được nhân dân, gây nhiều thương vong cho quân viễn chinh Pháp. Khi địch chiếm làng, đốt phá nhà cửa, cả làng đã đi theo Núp lên đỉnh núi Stơ, có địa hình hiểm trở trốn tránh và phản kích lại.

Cuộc chiến đấu của cộng đồng dân làng kéo dài từ trước Cách mạng Tháng Tám và suốt 9 năm kháng chiến đã trở thành tấm gương cho phong trào chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Đỉnh Núp được tuyên dương là Anh hùng các Lực lượng vũ trang nhân dân và trở thành nguyên mẫu cho nhà văn Nguyễn Ngọc viết tiểu thuyết “Đất nước đứng lên”.

Cơ chế bầu chọn người đứng đầu cộng đồng diễn ra dân chủ, minh bạch, công khai, theo nguyên tắc tự nguyện, thông thường dựa trên giá trị xã hội của các thành viên, sẽ chọn ra người được tín nhiệm nhất để đảm nhiệm việc đứng đầu tập thể. Khác với cán bộ nhà nước, thủ lĩnh cộng đồng không chịu sự chỉ đạo của cấp trên và không được hưởng trợ cấp ngân sách, họ cũng khác với cán bộ của doanh nghiệp, không làm công ăn lương theo cơ chế thị trường. Thủ lĩnh cộng đồng là người “ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng”, tự nguyện đóng góp công sức và thời gian cho công việc chung của tập thể. Động lực đóng góp của thủ lĩnh cộng đồng là sự tín nhiệm và lòng tin yêu của các thành viên, nếu có thù lao thì đó phải là hỗ trợ tự nguyện thống nhất đóng góp của cộng đồng.

Điều kiện đầu tiên để một người trở thành thủ lĩnh cộng đồng là được các thành viên trong cộng đồng tin cậy do có giá trị xã hội cá nhân cao, có năng lực dẫn dắt các hoạt động cộng đồng, có đủ điều kiện sức khỏe và kinh tế để tham gia thực hiện các hoạt động một cách không tư lợi. Thủ lĩnh cộng đồng có trách nhiệm nắm bắt tình hình, khuyến khích và tạo điều kiện cho thành viên dễ dàng trao đổi thông tin và tham gia quản lý. Ngoài ra, tùy theo thứ tự ưu tiên và nhu cầu hoạt động của cộng đồng, thủ lĩnh cộng đồng còn phải có một số tài năng

nổi trội khác như lãnh đạo sản xuất, chỉ huy chiến đấu, hoạt động ngoại giao...

Trước kia các thủ lĩnh cộng đồng - các già làng, trưởng bản - được thành viên trong làng tín nhiệm bầu lên. Khi Nhà nước nắm quyền lực chính trong xã hội thì trong nhiều trường hợp, người đảm nhiệm quyền lực của cộng đồng giao phó cũng được chính quyền giao kiêm nhiệm vai trò thay mặt Nhà nước quản lý hành chính tại cộng đồng. Ngày nay người lãnh đạo nắm quyền lực hành chính và tài nguyên ở cơ sở là cán bộ nhận lương hoặc người do Nhà nước phân công được hưởng phụ cấp, nắm trong tay các quyền lực pháp chế và có bộ máy giúp việc. Phối hợp với họ là các tổ chức đoàn thể xã hội đa dạng như hội phụ nữ, hội phụ lão, đoàn thanh niên... Tuy có trường hợp thủ lĩnh cộng đồng do Nhà nước công nhận, phân công nhưng nhìn chung vai trò của thủ lĩnh cộng đồng do dân bầu trở nên mờ nhạt.

Trong các cộng đồng ở các địa phương có kinh tế thị trường phát triển mạnh hoặc tại các cộng đồng gần đô thị, vai trò thủ lĩnh cộng đồng giảm sút, như chỉ thể hiện trong hoạt động lễ hội hoặc trong phạm vi dòng tộc. Tại các làng bản miền núi, vùng xa, vùng sâu, thủ lĩnh cộng đồng có vai trò rõ hơn. Tại đây, các già làng, trưởng bản và những người được Nhà nước quy định là “người có uy tín” vẫn đóng vai trò nhất định trong việc giữ

gìn hoạt động bảo vệ bản sắc dân tộc, di sản văn hóa, di sản tự nhiên. Ở một số nơi, thủ lĩnh cộng đồng được giao tham gia quản lý tài nguyên, trật tự xã hội, hoặc có tiếng nói nhất định trong hoạt động xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn, hỗ trợ đồng bào dân tộc. Trong một số hoạt động và dự án, vai trò thủ lĩnh cộng đồng được thể hiện trong các tổ phát triển thôn bản, tổ tín dụng vi mô,... Tuy nhiên, hoạt động của các thủ lĩnh cộng đồng loại này thường kém bền vững khi dự án chấm dứt.

3. Phương thức tổ chức cộng đồng

Trong hệ thống tổ chức cộng đồng, tổ chức ở cơ sở có vai trò quan trọng nhất, dù có sự phân công phối hợp và thống nhất hành động theo các cấp từ thấp lên cao nhưng không phân chia thứ bậc quyền lực trên dưới theo cấp hành chính. Ở cấp cơ sở, các thành viên bầu lên nhóm đại diện cho cộng đồng theo nguyên tắc toàn thể cộng đồng tham gia bầu trực tiếp, đứng đầu là thủ lĩnh cộng đồng được đa số thành viên tín nhiệm. Ở các cấp hành chính cao hơn, các đại diện cộng đồng do các thủ lĩnh ở cơ sở bầu lên. Bằng cách bầu bậc thang này, người đại diện ở mọi cấp trong cộng đồng đều liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của thành viên trong cộng đồng và đều được đánh giá bằng sự tín nhiệm của thành viên.

Những hoạt động cơ bản để xác lập nên tảng cho cộng đồng như xác định tôn chỉ, mục đích, xây dựng quy chế, kế hoạch... phải được thông qua bởi tất cả các thành viên trong cộng đồng còn các hoạt động triển khai hoạt động có thể được thông qua bởi nhóm đại diện cộng đồng. Để bảo đảm hiệu quả các hoạt động đa dạng và phức tạp khác như quản lý môi trường, tài nguyên, xây dựng cơ bản,... trong nhiều trường hợp, cộng đồng có thể thuê người quản lý chuyên trách, chuyên gia quản lý. Việc lựa chọn và thuê người quản lý sẽ do đại diện cộng đồng quyết định. Để bảo đảm tính chất đại diện cho tổ chức cộng đồng, hầu hết kinh phí hoạt động của cộng đồng phải do thành viên đóng góp theo quy định tự nguyện. Cộng đồng có thể nhận hỗ trợ từ các đơn vị khác (như của Nhà nước, của các nhà tài trợ, của dự án,...) nhưng việc phân bổ kinh phí hỗ trợ phải do cộng đồng tự quyết định kết hợp với quỹ tự đóng góp.

4. Vai trò của tổ chức cộng đồng

Từ thừa ban đầu của xã hội loài người, khi quan hệ nhà nước và thị trường còn chưa xuất hiện thì tổ chức cộng đồng và quan hệ cộng đồng đã là cơ sở quan trọng nhất giúp hình thành nên xã hội có tổ chức. Đó là thời kỳ quan hệ cộng đồng đóng vị trí bao trùm toàn bộ hoạt động xã hội. Mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng là cơ

sở để thực hiện các hoạt động tổ chức sản xuất, lưu giữ và phát triển văn hóa, duy trì an ninh nội bộ và bảo vệ an ninh. Địa bàn của cộng đồng bao gồm cả lãnh thổ lẫn tài nguyên tự nhiên và có thể có cả tư liệu sản xuất như đất đai, gia súc... Tùy theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội, ở từng địa phương, vai trò quan trọng của cộng đồng vẫn còn duy trì ít nhiều. Đặc biệt tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và những vùng giao thông liên lạc bị chia cắt.

Trong thời kỳ phong kiến, cộng đồng cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Trong điều kiện Việt Nam, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và ngay tại cái nôi văn minh lúa nước ở đồng bằng sông Hồng, tổ chức cộng đồng đóng vai trò rất quan trọng. Làng bản bao bọc trong lũy tre xanh, trong đó các họ tộc gắn bó các gia đình, quan hệ phe giáp ràng buộc nhau chặt chẽ. Nhiều nơi, các quy tắc của cộng đồng được coi là nền tảng hoạt động xã hội và quen thuộc hơn luật pháp theo kiểu “phép vua thua lệ làng”. Nhìn chung, chính quyền phong kiến nắm giữ quyền quản lý tập trung ở cấp trung ương và địa phương đồng thời phân cấp cho tổ chức cộng đồng nắm giữ và quản lý nhiều hoạt động ở cơ sở, bao gồm gìn giữ phong tục, trật tự xã hội, một phần tài nguyên. Ngay cả các hoạt động như quản lý nhà nước (thu thuế, bổ lính, tạp dịch...) cũng dựa

nhiều vào quan hệ cộng đồng. Đối với người dân, đa số quan hệ sinh hoạt, kinh doanh, buôn bán cũng dựa vào mối liên hệ cộng đồng để thực hiện.

Sức mạnh của cộng đồng - Phong trào Làng mới Hàn Quốc

Đầu thập kỷ 1970, công nghiệp và đô thị ở Hàn Quốc phát triển mạnh, bỏ rơi nông nghiệp, nông thôn. Để ngăn chặn chia rẽ xã hội, Tổng thống Pắc Chung Hy quyết định khơi dậy tinh thần tự chủ, đoàn kết, chăm chỉ của nông dân để huy động chính cộng đồng làng bản đứng lên làm chủ chương trình phát triển nông thôn. Nhà nước hỗ trợ vật liệu, tiền và trao toàn quyền quản lý cho cộng đồng. Nông dân trong làng tự đóng góp công sức, đất và tự bầu lấy lãnh đạo thôn làng để quyết định đầu tư, quản lý, nghiệm thu, sử dụng mọi công trình, dự án phát triển nông thôn.

Để thủ lĩnh cộng đồng giữ được vai trò đại diện của dân, Nhà nước không trả lương để biến thành cán bộ. Họ có các lợi ích tinh thần khác như quyền gặp lãnh đạo các cấp, con em họ có học bổng, mời họ đến dự họp với Hội đồng Chính phủ. Hàng năm, Nhà nước tổ chức Đại hội toàn quốc cho lãnh đạo cộng đồng, được Tổng thống trao Huân chương và tuyên dương; bài hát của phong trào do Tổng thống sáng tác, lá cờ biểu tượng phong trào tung bay khắp nơi.

Một trung tâm đào tạo quốc gia được xây dựng cho

các lãnh đạo cộng đồng. Tại đây, các nhà lãnh đạo cao cấp của Nhà nước, địa phương, các văn nghệ sĩ, các lãnh tụ tôn giáo cũng được mời đến học nội trú ngắn hạn, ăn ở chan hoà với các lãnh đạo thôn làng. Trong ngày nghỉ, Tổng thống đi thăm không báo trước và không có nghi lễ tại hầu hết mọi làng để động viên và tìm hiểu tình hình phát triển nông thôn. Cộng đồng nông thôn từ thân phận thấp kém lên vị trí trung tâm xã hội.

Để đảo ngược tâm lý địa phương muốn nhận nghèo để được hỗ trợ, hàng năm các làng cử đại biểu cùng đánh giá phong trào. Làng nào làm tốt mới được tiếp tục giúp, làng nào kém bị loại khỏi chương trình. Kết quả công bố cho toàn dân khen chê. Thế là mọi làng đều ra sức làm tốt để vừa đẹp mặt vừa được hỗ trợ. Sau 10 năm, không những bộ mặt của nông thôn Hàn Quốc thay đổi mà thu nhập nông thôn cao bằng đô thị. Cộng đồng nông dân vững bước đi vào công nghiệp hoá.

Đến thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan hệ cộng đồng có rất nhiều biến đổi. Ban đầu, nông dân tham gia vào các tổ đổi công hợp tác xã cấp thôn và lần đầu tiên, quan hệ phối hợp sản xuất được định hình rõ ràng, đóng vai trò chính tại địa bàn cộng đồng. Thêm vào đó, quan hệ của các tổ chức chính trị - xã hội làm đa dạng hóa quan hệ cộng đồng. Sau đó, khi hợp tác xã được

nâng lên quy mô toàn xã, các hợp tác xã và đoàn thể do Nhà nước chỉ huy đã giành quyền của thủ lĩnh cộng đồng; quy mô điều hành vượt khỏi phạm vi cộng đồng thôn làng; hoạt động của các đơn vị này cũng không ưu tiên cho lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, tài sản cộng đồng và các quy ước cộng đồng không còn được sử dụng như cách cũ. Thêm vào đó, các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội dân gian bị hạn chế. Kết quả là các giá trị cộng đồng bị mai một và quan hệ cộng đồng bị nứt vỡ. Trong giai đoạn này, vai trò cộng đồng thu hẹp lại trong sự tương tác lẫn nhau về tình cảm và tinh thần trong gia đình và láng giềng.

Bước vào giai đoạn kinh tế thị trường, quan hệ cộng đồng nông thôn lại thay đổi tiếp. Sản xuất nông nghiệp quay trở lại quy mô hộ. Các hộ sản xuất nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa và sử dụng dịch vụ thoát dần ra khỏi phụ thuộc nhau trong cộng đồng. Thêm vào đó, sinh kế của người dân ngày càng gắn kết với các hoạt động phi nông nghiệp bên ngoài thôn làng. Quá trình rút lao động ra khỏi nông nghiệp để chuyển sang phi nông nghiệp cùng với các dòng di cư từ vùng này sang vùng khác càng làm quan hệ cộng đồng cũ trở nên lỏng lẻo. Mặt khác, quá trình toàn cầu hóa và đô thị hoá diễn ra rất nhanh, sự phát triển của hệ thống thông tin liên lạc và truyền thông đã làm quan hệ con người được mở rộng, nhiều giá

trị mới đa dạng xuất hiện khiến quan hệ giữa các cá nhân trong một cộng đồng nông thôn thay đổi. Trong khi đó, nhiều hoạt động văn hóa truyền thống, các lễ hội phong tục và thái độ tôn trọng tôn giáo góp phần khôi phục lại một số giá trị xã hội của cộng đồng. Tóm lại, vai trò nổi bật của cộng đồng giai đoạn này là duy trì truyền thống và giá trị văn hóa.

Ở một số quốc gia trên thế giới, trong điều kiện phát triển kinh tế hiện đại, vai trò của cộng đồng vẫn được tôn trọng và phát huy hiệu quả. Ở Hàn Quốc, trong quá trình công nghiệp hóa, Chính phủ Hàn Quốc đã thành công dựa vào sức mạnh cộng đồng để phát triển nông thôn. Thu nhập của người dân nông thôn nâng lên bằng mức thu nhập của người dân thành thị. Vùng nông thôn dưới sự chỉ huy của các thủ lĩnh cộng đồng đã thực hiện tốt việc tôn tạo làng xã, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và nhất là hình thành tác phong làm việc công nghiệp, đoàn kết sáng tạo cho cư dân nông thôn - chuẩn bị để họ sẵn sàng tiến vào xã hội công nghiệp hóa. Ở Butan - một đất nước nhỏ bé nằm trên dãy Himalaya được đánh giá là đất nước có chỉ số hạnh phúc cao nhất thế giới - việc phát triển cộng đồng đã giúp bảo vệ tài nguyên, bảo vệ bản sắc văn hóa và tính đa dạng cộng đồng, giúp phát triển ngành công nghiệp du lịch đậm đà bản sắc dân tộc.

Chương 3
CỘNG ĐỒNG CỦA VIỆT NAM
HIỆN NAY

Lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước tạo ra những tổ chức cộng đồng mạnh mẽ ở Việt Nam. Nền kinh tế lúa nước gắn kết người dân Việt Nam trong quan hệ cộng đồng một cách tự nhiên: sản xuất cùng thời vụ gắn với chế độ thủy văn yêu cầu chia sẻ trách nhiệm xây dựng và quản lý hệ thống thủy lợi, thiên tai thường xuyên đặt ra nhu cầu phối hợp hành động để bảo vệ sản xuất. Ngoài ra, lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm cũng hình thành tính tự trị khá cao của cộng đồng làng xã, phối hợp với sự chỉ đạo thống nhất của nhà nước phong kiến. Những yếu tố tạo nên tinh thần chủ động của từng người dân, từng cộng đồng: “giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”. Ngay trong quá trình đổi mới, phát triển, yếu tố cộng đồng cũng được phát huy, tạo nên sức mạnh vượt qua những cản trở của cơ chế kinh tế lỗi thời.

Bí thư Kim Ngọc thử nghiệm khoán hộ ở Vĩnh Phúc

Năm 1960, miền Bắc căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, hợp tác xã chiếm 85% số hộ, 68% diện tích canh tác. Do phân phối và đóng góp không công bằng, quản lý kém hiệu quả, xã viên không thiết tha với sản xuất, sản lượng nông sản sa sút. Làm ăn thua kém, ngoài nghĩa vụ và đóng góp Nhà nước, các hợp tác xã không bảo đảm được 50% thu nhập cho xã viên.

Ở tỉnh Vĩnh Phúc, vụ đông xuân 1965 - 1966, thời tiết bất thuận, sản lượng lương thực giảm 20%, nhiều hộ đói. Ông Kim Ngọc là Bí thư Tỉnh ủy cho phép Hợp tác xã Thôn Thượng, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường thí điểm giao khoán sản xuất cho nhóm, cho lao động và cho hộ vụ mùa năm 1966. Được trao quyền là chủ sản xuất, xã viên hăng hái lao động, hợp tác xã đang thiếu đói trở thành no đủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen Hợp tác xã Thôn Thượng.

Thực hiện ở một thôn, chính sách này được cơ chế cộng đồng che chở và chấp nhận. Nhân dân ở dưới “im hơi lặng tiếng”, cán bộ trên “nhắm mắt làm ngơ”. Mùa hè năm 1966 sau khi thử nghiệm thành công ở 12 xã khác trong toàn tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Nghị quyết 68 giao “khoán cho từng hộ xã viên làm một hay nhiều khâu sản xuất”. Sau một năm, toàn tỉnh Vĩnh Phúc đã có 2 huyện, 46 xã, 160 hợp tác xã

đạt năng suất bình quân 5-7 tấn/ha. Sản xuất phát triển nhưng quy mô đổi mới đã vượt qua tầm bảo vệ kín đáo của cộng đồng và tin tức lan đến Trung ương.

Tháng 11 năm 1968, Lãnh đạo Trung ương về Vĩnh Phúc đã phê phán khoán hộ là “đi ngược lại con đường tập thể hoá của Đảng”, “phá vỡ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi tiến bộ khoa học kỹ thuật”. Bí thư Kim Ngọc bị kỷ luật. Phong trào khoán hộ chấm dứt. Các hợp tác xã tiếp tục làm ăn sút kém trở lại. Hai mươi năm sau, thử nghiệm của Bí thư Kim Ngọc mới được công nhận trong Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988.

Là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc ở Việt Nam có bản sắc rõ nét không chỉ về văn hóa mà còn về quyền tự quản, tự chủ ở các cấp cộng đồng. Do vậy, đã tạo nên cộng đồng dân tộc rất phong phú và đa dạng. Những di sản này tạo ra dấu ấn sắc nét cho cả không gian làng xã cùng thể chế cộng đồng địa phương, thể hiện trong tất cả các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, môi trường. Các vùng miền núi gắn kết nhau theo cộng đồng mang bản sắc của từng dân tộc thiểu số, cư dân ở đồng bằng sông Hồng liên kết với nhau theo các cộng đồng thôn làng địa lý, người dân châu thổ sông Cửu Long lại hay gắn bó theo cộng đồng các tôn giáo truyền thống.

Bên cạnh thế mạnh về kết cấu trật tự và mức độ gắn kết cao, trong di sản cộng đồng Việt Nam cũng tồn tại những vấn đề yếu kém. Mối quan hệ gắn kết chung thủy trong gia đình, họ hàng nhiều khi dẫn đến tình trạng lợi dụng chức quyền làm lợi cho dòng họ theo kiểu “một người làm quan, cả họ được nhờ”. Trong thời gian gần đây đã xuất hiện tình trạng quan chức lôi kéo con cháu vào bộ máy công quyền, kéo bè, kéo cánh theo quê hương, dòng họ trong tổ chức cán bộ theo tinh thần “vì cây dây quán”. Ngay trong một cộng đồng thôn bản, tình trạng tranh giành, ganh đua giữa các phe giáp, dòng họ cũng gây ra ảnh hưởng xấu tới sự thống nhất trong cộng đồng chung.

Thậm chí tính “cục bộ địa phương” thể hiện giữa các nhóm cầm quyền có xuất xứ địa lý khác nhau đôi khi đã dẫn đến mâu thuẫn, thiếu phối hợp trong chỉ đạo điều hành từ địa phương đến quốc gia. Gắn kết trong từng cộng đồng cao nhưng giữa các cộng đồng lại vẫn chia rẽ, thiếu phối hợp. Tính tự chủ cao ở đơn vị làng bản khiến các cấp chính quyền địa phương có hiện tượng tản quyền, làm yếu năng lực điều hành tập trung ở chính quyền trung ương. Kết quả là gây ảnh hưởng tới quyền lợi phát triển chung của quốc gia.

Trong một cộng đồng, cung cách chỉ đạo tập trung theo tôn ti trật tự khiến các thành viên có xu hướng bị động nghe theo mệnh lệnh. Mức độ quản lý tập trung cao trong từng cộng đồng triệt

tiêu tinh thần dân chủ giữa các thành viên, bất kể đạo đức và năng lực của người đứng đầu theo lối: “cả vú lấp miệng em”. Dẫn đến tâm lý ỷ lại, mong chờ quyết định và hỗ trợ từ chính quyền cấp trên của người dân. Tác phong thảo luận, sáng tạo, cạnh tranh không phải tập quán phổ biến ở Việt Nam, dẫn đến hiện tượng quan liêu, bảo thủ trong các cộng đồng, “sống lâu lên lão làng” làm hạn chế vai trò của các nhóm năng động nhưng yếu thế như nhóm người trẻ, phụ nữ.

Người dân Việt Nam nổi bật về tinh thần cần cù, tháo vát, chịu khổ, khắc phục khó khăn trong sản xuất; đứng trước thiên tai, địch họa, thì sẵn lòng đoàn kết cùng nhau chiến đấu. Tuy nhiên, ý thức phối hợp trong sản xuất, trong đời sống xã hội phát triển lại rất hạn chế. Tâm lý đố kỵ khá phổ biến giữa các thành viên trong một cộng đồng và giữa các cộng đồng theo kiểu “thua thầy một vạn không bằng thua bạn một li” dẫn đến lối hành xử ganh đua, kèn cựa, “đâm bị thóc, chọc bị gạo”, “ném đá giấu tay” không thẳng thắn, cao thượng.

Những biến động gay gắt do chiến tranh, thiên tai, cơ chế kế hoạch hóa trong lịch sử càng làm sâu sắc thêm những mặt mạnh và mặt yếu của quan hệ cộng đồng ở Việt Nam. Lịch sử hiện đại của cộng đồng Việt Nam trải qua nhiều biến động sâu sắc. Trong một thời kỳ dài của chiến tranh và

kinh tế kế hoạch hóa, nhiều di sản văn hóa bị phá hoại, tín ngưỡng bị coi nhẹ, hoạt động tôn giáo bị hạn chế, các giá trị tinh thần truyền thống bị bỏ rơi. Các dòng di cư lớn từ miền Bắc, miền Trung xuống miền Nam, từ đồng bằng ven biển lên miền núi, từ nông thôn về đô thị, từ trong nước ra nước ngoài,... xáo trộn căn bản quan hệ cộng đồng trên quy mô toàn quốc.

Các địa bàn trước đây có tổ chức cộng đồng rất chặt chẽ như Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Hồng, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thì nay quan hệ cộng đồng đã trở nên lỏng lẻo hơn do các xáo trộn về cấu trúc dân cư, văn hóa, tôn giáo, kinh tế. Những địa bàn được hình thành do cư dân từ nhiều vùng khác nhau di cư đến như Nam Bộ, Tây Nguyên, các thành phố lớn thì quan hệ càng lỏng lẻo hơn do sự thiếu liên kết địa bàn và ảnh hưởng mạnh của cơ chế thị trường, của hội nhập kinh tế, văn hoá. Ngay trong phạm vi gia đình, sự thay đổi cấu trúc cộng đồng cũng đặt ra những thách thức mới. Trước đây kiến thức, văn hoá, tài sản,... giữa các thành viên trong gia đình sống chung có kết cấu đa thế hệ được tích lũy từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nay các gia đình thay đổi chuyển sang sống riêng một, hai thế hệ hoặc đơn thân; kiến thức, văn hoá, kinh nghiệm của các thế hệ sau được học hỏi thông qua nhà trường và xã hội nhiều hơn.

Mặt khác, quá trình đổi mới xu thế hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện thay đổi sâu sắc bộ mặt ở mọi vùng, miền đất nước thông qua công tác xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn, đô thị hóa. Điều kiện sống, trình độ văn hóa và tâm lý của người dân cũng thay đổi căn bản. Tinh thần dân chủ, ý thức phản biện xã hội đã xuất hiện. Những lớp người trước đây bị coi là yếu thế như phụ nữ, người trẻ tuổi, v.v. bắt đầu được phát huy năng lực. Các hoạt động tranh luận, thảo luận, sáng tạo dân chủ cũng được khởi phát trong từng cộng đồng. Sự phối hợp thông tin, hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng cũng được cải thiện. Bên cạnh các cộng đồng truyền thống (dân tộc, tôn giáo, địa lý, v.v.) xuất hiện thêm nhiều loại quan hệ cộng đồng mới (sở thích, chính trị, ngành nghề, v.v.).

Thông tin và lòng tin trước đây hình thành tự nhiên giữa cộng đồng nông thôn gần gũi thì nay dựa trên địa bàn, nghề nghiệp, hoàn cảnh sống xáo trộn liên tục làm cho quan hệ giữa con người với con người trở nên ngắn hạn. Lòng tin trước đây hình thành từ đánh giá trực tiếp giữa người với người thì nay chủ yếu được đánh giá dựa trên những chứng chỉ giấy tờ. Việc xây dựng quan hệ sản xuất kinh doanh, luyện ái, bạn hữu... giữa các cá nhân trong cộng đồng trước đây được tiến hành trực tiếp thông qua thu thập thông tin từ những người quen biết hoặc họ hàng, nay được chuyển qua các

thông tin gián tiếp như mạng Internet, hồ sơ, bằng cấp. Cùng với quá trình hội nhập và sự phát triển công nghệ, thông qua Internet, khái niệm cộng đồng vươn ra khỏi biên giới và gắn kết nhau gián tiếp qua không gian ảo.

Thách thức lớn nhất trong quan hệ cộng đồng là sự thay đổi mục đích cuộc sống và giá trị xã hội. Những giá trị chung được coi trọng trước đây như sự đóng góp của cá nhân đối với xã hội, trí tuệ và học vấn, tuổi tác và kinh nghiệm, lý tưởng và chính trị, v.v. thì nay có giá trị lại bị xem nhẹ và chuyển sang đề cao sự nổi bật về danh tiếng, vẻ đẹp ngoại hình, sự thành đạt trong xã hội, sự giàu có về tài sản, tài năng nghệ thuật,... Trong nhiều trường hợp, giá trị vật chất, tiếng tăm ảo lại trở thành động lực khiến con người phấn đấu bất chấp giá trị đạo đức và pháp luật. Mặt khác, tâm tư duy của con người hiện đại cũng vượt qua những nếp cổ, lối xưa. Động lực đấu tranh giai cấp trong quan điểm chính trị đã nhường chỗ cho tinh thần dân tộc, sự hội nhập quốc tế. Lòng yêu hoà bình, tinh thần dân chủ, ý thức tự chủ, bảo vệ môi trường, tôn trọng con người, trân trọng lẽ phải, bênh vực công lý... đã trở thành những giá trị mới trong xã hội.

1. Cộng đồng các dân tộc thiểu số

So với cộng đồng đa số, cộng đồng các dân tộc

thiểu số có tính đặc thù và có vai trò quan trọng đặc biệt. Cộng đồng dân tộc thiểu số thường gắn kết với nhau qua nhiều thế hệ trên cùng một địa bàn, có chung quan hệ văn hóa, gần gũi về huyết thống, có chung hoàn cảnh phát triển, chia sẻ cả thách thức và cơ hội. Người dân tộc thiểu số thường xuyên sử dụng quan hệ cộng đồng gần gũi để phối hợp sản xuất như giúp nhau đổi công, trao đổi kiến thức bản địa, cho vay mượn tiền vốn; trong đời sống như hỗ trợ công việc gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên. Vai trò cộng đồng dân tộc cũng được đề cao trong các giao dịch bên ngoài như giới thiệu việc làm, môi giới buôn bán, mở rộng thị trường, làm việc với cơ quan nhà nước, quan hệ với các cộng đồng khác.

Trong khuôn khổ cộng đồng cấp thôn, bản, vai trò của già làng, trưởng bản rất quan trọng. Họ là đại diện của dân làng trong đối ngoại và chỉ đạo các công việc trong làng, dẫn dắt các hoạt động tín ngưỡng, là người gìn giữ, truyền bá văn hoá truyền thống. Ngoài ra, nhóm những người có trình độ, có vốn liếng, có học vấn trong cộng đồng cũng đóng vai trò động lực lan tỏa phát triển hết sức quan trọng trong cộng đồng. Những người thuộc cộng đồng đã đi làm ăn xa, đã tham gia bộ máy chính quyền, đoàn thể, đang đi học tập cũng đóng vai trò đặc biệt với cộng đồng

trong cung cấp thông tin, tìm nguồn hỗ trợ, vận động chính sách. Đặc điểm về nguồn nhân lực hết sức quan trọng của cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua chưa được chú ý phát triển đúng mức.

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương ở cơ sở và phát huy vai trò, xây dựng năng lực của đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số cũng chưa được chú ý đúng mức. Việc chủ động lên kế hoạch và tạo điều kiện đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số để về phục vụ chính cộng đồng mình chưa có hệ thống. Nhiều địa phương chưa tranh thủ uy tín và kỹ năng của tầng lớp già làng, trưởng bản cho các hoạt động quản lý phát triển. Các cấp chính quyền cơ sở thiếu phân cấp phân quyền cho cộng đồng trong quản lý, các hương ước do người dân xây dựng và tự thực hiện không được quan tâm hỗ trợ.

Nhà nước thường áp dụng cách quản lý chính quyền địa phương ở miền núi tương tự như miền xuôi - tổ chức chính quyền chịu trách nhiệm quản lý thấp nhất là cấp xã. Theo Luật ngân sách nhà nước, xã được coi là đơn vị chủ đầu tư trong các chương trình phát triển. Hệ thống điện, đường, trường, trạm và dịch vụ được tập trung ở trụ sở xã và cụm xã. Tuy nhiên, vì địa bàn xã ở miền núi có diện tích rất rộng và địa hình hiểm trở nên người dân của thôn bản ở miền núi rất khó tiếp cận các

dịch vụ y tế, văn hóa đóng ở trụ sở xã. Các tiêu chí phát triển nông thôn mới của các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc cũng chưa uyển chuyển đúng mức để đáp ứng nhu cầu đa dạng về văn hoá và điều kiện khác biệt với các địa bàn đồng bằng. Vì vậy, đang tồn tại sự tách biệt giữa sức mạnh tự nhiên của tổ chức cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số với hệ thống chính sách và chương trình phát triển của Nhà nước ở các địa phương này và dẫn đến thái độ ỷ lại của người dân với trợ cấp và chỉ đạo của chính quyền, mất đi thái độ làm chủ vốn có của nhân dân trên những địa bàn rộng lớn, có địa hình phức tạp, quan hệ kinh tế - xã hội đặc thù vốn đóng vai trò rất nhạy cảm về môi trường, tài nguyên và chủ quyền đất nước. Tại một số nơi, sự yếu kém của sức mạnh cộng đồng dẫn đến tình trạng bàng quan trước các hoạt động kinh tế trái phép (phá rừng, buôn lậu, săn bắt động vật hoang dã, khai thác khoáng sản trái phép,...), hình thành tâm lý coi nhẹ giá trị văn hóa truyền thống và kiến thức bản địa để chạy theo văn hóa xa lạ và lợi ích vật chất đã mở đường để xâm nhập các tôn giáo ngoại lai, các hủ tục văn hóa (rượu chè, ma túy, dị đoan,...).

Trong thời gian tới, công tác xoá đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường,... nhóm đối tượng chủ yếu sẽ tập trung phần lớn ở các vùng sâu, vùng xa và vùng

đồng bào dân tộc thiểu số. Trong tương lai, thách thức của công tác phát triển ngày càng lớn khi nguồn lực ngân sách còn rất hạn hẹp, viện trợ quốc tế ngày càng giảm, biến đổi khí hậu tăng nhanh và hội nhập quốc tế sâu rộng, khoảng cách phát triển giữa nông thôn với thành thị, miền xuôi với miền núi càng doãng ra. Rõ ràng, nếu không có sự chủ động và tinh thần tự vươn lên của chính các đối tượng khó khăn, dựa trên tinh thần phát triển cộng đồng thì các hoạt động phát triển trong thời gian tới sẽ không thể thành công.

2. Thách thức và cơ hội cho cộng đồng trong giai đoạn mới

2.1. Bảo đảm phát triển ổn định

Vai trò quan trọng của phát triển tổ chức cộng đồng đúng hướng cũng là kinh nghiệm được rút ra từ lịch sử đấu tranh cách mạng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam. Nếu ở các quốc gia công nghiệp, các cuộc cách mạng thường diễn ra từ lĩnh vực công nghiệp và địa bàn đô thị với lực lượng thị dân tập hợp quanh các lực lượng chính trị; nếu ở các nước phát triển, chiến tranh là hoạt động do các lực lượng vũ trang chuyên nghiệp tiến hành; thì ở Việt Nam, khởi nghĩa ở địa bàn nông thôn và chiến tranh nhân dân là sức mạnh vô địch để từng bước đưa cách mạng đến toàn thắng. Vận động quần chúng, xây dựng cơ sở ở cộng đồng,

chiếm lĩnh trái tim và khối óc của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của các tổ chức đảng trong thời kỳ chiến tranh cách mạng. Thế trận lòng dân là thế trận thiên la địa võng mà không một kẻ thù nào, dù mạnh mẽ đến đâu có thể khuất phục. Bài học đó còn nguyên giá trị trong sự nghiệp bảo vệ an ninh và toàn vẹn chủ quyền đất nước hôm nay.

Vận động cộng đồng nông thôn trong chiến tranh

Cuối thập kỷ 1950, thấy rõ vai trò quan trọng của cộng đồng nông thôn, Ngô Đình Nhu đưa ra “Quốc sách Ấp chiến lược” nhằm tát nước bắt cá, đẩy cán bộ cộng sản khỏi các cơ sở nông thôn. Quân nguy tập trung hoạt động phòng thủ quân sự: rào dây thép gai, cắm chông, đồn dân, kiểm soát người dân đi lại nhưng lại không chú ý xây dựng liên kết cộng đồng. Các làng trở thành trại tập trung, không còn các công trình cộng đồng như đền chùa, miếu mạo, dịch vụ cộng đồng như lễ hội, thờ cúng... Hệ thống cán bộ hành chính, an ninh của chính quyền Sài Gòn bỏ nhiệm vụ và trả lương kìm kẹp, tước quyền tự chủ truyền thống trong làng ấp nông thôn mà bộ máy thường do dân bầu.

Việt Nam Cộng hoà tiến hành cải cách điền địa, lấy lại đất của nông dân Nam Bộ được Việt Minh chia

trong kháng chiến trả lại cho địa chủ. Đến cuối năm 1960, địa chủ chỉ chiếm 15% dân số đã nắm lại trong tay 75% diện tích đất nông nghiệp. Vì thế, ở nông thôn 75% người dân ủng hộ Việt Minh, chỉ có 5% ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm.

Các cán bộ cộng sản quyết bám sát dân, chủ trương “giải phóng đến đâu, chia ruộng đất cho nông dân đến đó”, phá ấp chiến lược, đưa dân trở về làng quê cũ, nên chiếm được “trái tim, khối óc của nông dân”. Dù không có lực lượng quân sự lớn mạnh nhưng đến cuối năm 1960 phong trào Đồng khởi ở nông thôn Nam Bộ nổ ra, hầu hết chính quyền nông thôn Cà Mau, Bến Tre, Rạch Giá, Cần Thơ, Trà Vinh, toàn bộ vùng Nam, Tây Nam và nhiều địa phương ở phía Bắc Sài Gòn đã tuột khỏi tay chính quyền Ngô Đình Diệm.

Năm 1968, quân Giải phóng tập trung lực lượng tấn công các đô thị lớn, không chú ý bám sát địa bàn nông thôn. Nha cán bộ Xây dựng Nông thôn của chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch Bình định nông thôn. Sự ủng hộ của nông dân với quân Giải phóng giảm sút rõ rệt. Trong số 250 xã miền Tây Nam Bộ, cuối năm 1968, có 50 xã, đảng viên phải ly hương; 40 xã khác, chỉ còn 01 hoặc 02 đảng viên. Năm 1970, Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu ban hành chính sách “Người cày có ruộng”, chia lại đất cho hơn 1 triệu nông dân. Chuyển 70% nông dân trở thành trung nông. Các chiến dịch của quân Giải phóng tiến hành sau đó chủ yếu phải dựa vào lực lượng quân chủ lực từ miền Bắc vào.

Mặt khác, nhiều bài học từ lịch sử chính trị của thế giới và Việt Nam cũng chứng tỏ không phải chỉ một lần, các thế lực bên ngoài đã lợi dụng sức mạnh chủ động và mạnh mẽ của tổ chức cộng đồng tôn giáo, cộng đồng dân tộc, cộng đồng di cư,... để chống lại quyền lợi chung của dân tộc và của cộng đồng. Đa số những trường hợp này, đã có những cá nhân bên trong dựa vào các thế lực bên ngoài, lợi dụng danh nghĩa tổ chức cộng đồng vào các mưu đồ chính trị. Trong sản xuất, kinh doanh cũng không thiếu các trường hợp tổ chức cộng đồng, quan hệ cộng đồng bị lợi dụng để mưu cầu mục đích kinh tế. Cơ chế cộng đồng cũng như cơ chế nhà nước, cơ chế thị trường đều có thể bị lợi dụng vào các mục đích xấu nếu không được quan tâm, hỗ trợ để phát triển lành mạnh. Quyền lực nhà nước có thể bị lạm dụng trở thành độc tài, tham nhũng; lợi ích thị trường có thể bị sử dụng để bóc lột người lao động, phá hoại môi trường.

Cơ chế thị trường chỉ lành mạnh khi các thành phần kinh tế cùng tham gia cạnh tranh công bằng, cơ chế nhà nước chỉ hiệu quả khi các thể chế chính trị đúng vào thể độc lập, kiểm soát lẫn nhau dưới sự tham gia quản lý dân chủ của nhân dân. Cơ chế cộng đồng sẽ lành mạnh khi các tổ chức cộng đồng được phân cấp trao quyền đúng mức dưới sự quản lý hiệu quả của nhà nước. Sức mạnh của đất nước xuất phát từ nội lực của từng

cộng đồng. Mỗi cộng đồng sẽ hình thành nên sức đề kháng mạnh mẽ trước mọi sự can thiệp ngoại lai, trước mọi cám dỗ, đe dọa, mua chuộc, lừa gạt khi nó được chính người dân, chính các thành viên tự giác dựng lên, chủ động nuôi nấng, được Nhà nước tin tưởng và chăm lo giúp đỡ. Cách tốt nhất để bảo đảm an ninh cộng đồng là luôn luôn bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, để sức mạnh của cộng đồng luôn đồng hành với lợi ích đất nước.

2.2. Đáp ứng nhu cầu đổi mới

Đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới. Cơ cấu kinh tế đất nước đang chuyển mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Phần lớn lao động nông thôn sẽ chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Nhu cầu cho lao động thủ công tay nghề thấp sẽ nhanh chóng chuyển sang nhu cầu cho lao động có tay nghề và kiến thức chuyên môn cao. Các cộng đồng nghề nghiệp cũ không được tổ chức bài bản sẽ trở thành các tổ chức cộng đồng nghề nghiệp mới có tổ chức chặt chẽ, tác phong hoạt động và kỷ luật cao. Quá trình thay đổi việc làm của lao động nông thôn cũng kéo theo nhiều gia đình chuyển từ cuộc sống nông thôn sang đô thị - dẫn đến những biến chuyển to lớn tại cộng đồng nông thôn. Không chỉ kết cấu dân cư thay đổi mà chất lượng

sinh hoạt, hình thức tổ chức, quan hệ đời sống của 70% dân số đang sống ở nông thôn sẽ thay đổi. Quá trình di cư tiếp tục diễn ra, không chỉ giữa các vùng dân cư lớn trong nước, mà ngay trong từng địa phương.

Khi một lượng lớn cư dân nông thôn chuyển sang sống và tiêu dùng như cư dân đô thị, một phần lớn cư dân đô thị sẽ chuyển lên mức sống trung lưu, sẽ diễn ra những biến động xã hội to lớn kéo theo những thay đổi mạnh về tiêu dùng. Quy hoạch không gian sẽ có thay đổi lớn, một phần lớn đất đai trước đây được dùng để sản xuất nông nghiệp sẽ được chuyển thành đất đô thị, đất công nghiệp và dịch vụ. Kéo theo đó, cấu trúc sử dụng tài nguyên khác như nước, rừng, khoáng sản cũng thay đổi đáng kể. Cấu trúc đầu tư xây dựng cơ bản cũng chuyển hướng mạnh về kết cấu hạ tầng, đường, điện, nước phục vụ cuộc sống đô thị và nền kinh tế phi nông nghiệp. Tất cả thay đổi trên yêu cầu bước chuyển mạnh về chính sách quản lý kết cấu hạ tầng, đầu tư công, quản lý tài nguyên. Nói cách khác, bộ máy quản lý nhà nước sẽ có thay đổi mạnh về chức năng từ Trung ương xuống địa phương.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh song song với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và biến đổi khí hậu mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, thách thức và cơ hội đan xen, tạo nên

những thay đổi lớn trong quan hệ xã hội. Tồn dư của nền kinh tế kế hoạch hóa để lại trong xã hội Việt Nam một bộ máy nhà nước công kênh, người dân cũng có tâm lý coi việc làm trong khu vực nhà nước là bảo đảm ổn định cuộc sống. Vì vậy, số lượng cán bộ trong biên chế rất đông, thêm vào đó là số lượng khổng lồ cán bộ hợp đồng và hưởng phụ cấp trong các cơ quan đoàn thể, cơ quan hành chính sự nghiệp, các đơn vị xã, phường đều nhận kinh phí ngân sách nhà nước. Bộ máy nhà nước lớn trong điều kiện ngân sách hạn hẹp nên lương thấp, điều kiện làm việc hạn chế và hiệu quả làm việc lại càng giảm sút không còn đáp ứng nổi nhu cầu quản lý mới. Yêu cầu cải cách hành chính đã trở thành nhu cầu thiết yếu.

Để đáp ứng những thay đổi to lớn trong xã hội, cách thức quản lý của Nhà nước phải thay đổi nhanh chóng, chuyển từ “nhà nước chỉ đạo” trước kia sang “nhà nước quản lý” hiện nay và trở thành “nhà nước phục vụ và kiến tạo” trong tương lai gần. Các hoạt động chỉ huy sản xuất kinh doanh, giám sát quản lý thị trường và nền kinh tế sẽ không còn là ưu tiên của các bộ, ngành. Thay vào đó, các đơn vị quản lý nhà nước chuyển sang xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, dài hạn, minh bạch để mọi thành phần kinh tế chủ động tổ chức sản xuất và kinh doanh. Nhà nước tập trung xây dựng các chiến lược chính sách, cung cấp các

dịch vụ công nhằm tạo điều kiện để các yếu tố thị trường mới xuất hiện vận hành thuận lợi. Nói cách khác, Nhà nước tạo điều kiện cho thị trường hàng hóa và dịch vụ phát triển, dỡ đầu để hình thành thị trường tài nguyên - vốn, đất đai, khoa học - công nghệ, lao động, đưa ra các hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp hình thành và khởi nghiệp.

Trong bối cảnh diễn ra thay đổi cơ bản về vai trò và hoạt động của Nhà nước, hàng loạt công tác quản lý trước đây (quản lý kỹ thuật, quản lý môi trường, quản lý thị trường, quản lý văn hóa...) sẽ từng bước được chuyển giao cho các tổ chức cộng đồng đa dạng tham gia đảm nhiệm. Hiện nay, sự chậm trễ trong chuyển đổi từ mô hình “nhà nước chỉ đạo”, “nhà nước quản lý” sang “nhà nước phục vụ và kiến tạo” khiến các cơ quan công quyền quá tải trước hàng loạt nhu cầu về quản lý ngày càng chặt theo các tiêu chuẩn ngày càng cao của các đối tượng sản xuất và kinh doanh ngày càng rộng. Bộ máy biên chế đã và đang phình ra càng rộng, nhưng vẫn thiếu năng lực, động lực và nguồn lực để giám sát được mọi vấn đề như vệ sinh an toàn thực phẩm, dạy thêm học thêm, chất lượng khám chữa bệnh, kiểm soát an ninh đường bộ, đường thủy, kiểm soát xây dựng cơ bản, gian lận bản quyền sản phẩm nghệ thuật và kỹ thuật, v.v..

Trong nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh, nhu cầu quản lý và cung cấp dịch vụ công ngày càng tăng, đòi hỏi người quản lý không chỉ đủ sức bao quát mà còn phải đại diện công bằng cho quyền lợi của toàn dân, nhất là giới lao động. Muốn thu gọn bộ máy nhà nước thì phải có đối tượng thay thế có đầy đủ cả năng lực và vị thế thi hành các trách nhiệm nặng nề này. Cả hai chức năng này không thể giao cho tổ chức của thị trường đảm nhiệm do mâu thuẫn với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của các tổ chức này. Ở nhiều nước phát triển, giải pháp đưa ra là chia sẻ phần quan trọng các chức năng trên cho hệ thống tổ chức cộng đồng thay nhà nước gánh vác. Tổ chức cộng đồng là hình thức tốt nhất để đại diện cho người dân tham gia quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, bảo vệ quyền lợi cho người dân, vì các mục tiêu này cũng chính là tôn chỉ hoạt động của chúng.

Ví dụ, trong hoạt động quản lý kỹ thuật của các ngành chuyên môn: Trước đây là do các cơ quan nhà nước đảm nhiệm. Hiện nay, cách thức tốt nhất mà các quốc gia hiện đại đã thực hiện là hình thành các hiệp hội ngành nghề được nhà nước chính thức công nhận, phân cấp, trao quyền và hỗ trợ. Các hoạt động như xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật ngành, xây dựng quy định hoạt động ngành, tiếp nhận đăng ký hành nghề và cấp phép,

giám sát thực hiện tiêu chuẩn quy định,... sẽ lần lượt được nhà nước chuyển giao từng phần sang các tổ chức này. Ví dụ, Hiệp hội Luật sư có trách nhiệm quản lý cấp phép hoạt động cho luật sư; Hiệp hội nuôi cá có trách nhiệm quản lý quy mô, chất lượng và thực hiện vệ sinh an toàn của các cơ sở nuôi cá; Hiệp hội tiến hành xử phạt đối với các vi phạm hành chính. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động của các Hiệp hội và xử phạt vi phạm pháp luật đối với tất cả các đối tượng.

Cơ chế cộng đồng xây dựng nên thị trường gạo Việt Nam và Nhật Bản

Ở Nhật Bản, dưới thời kỳ Tokugawa (1600-1868), gạo của các chúa đất phong kiến và của nông dân được thương nhân thu mua bán ra thị trường. Khi giao thông đường sắt bắt đầu kết nối các thị trường trong nước, xuất hiện nhu cầu tiêu chuẩn hoá chất lượng gạo. Cơ chế thị trường khiến các thương nhân nhỏ cạnh tranh quyết liệt, tranh mua, tranh bán, không thể thống nhất về chất lượng đành phải nhờ đến cơ chế cộng đồng. Một số nhóm nông dân và thương nhân phối hợp với nhau gắn nhãn hiệu sản xuất cho một số vùng.

Tới năm 1900, các nhãn hiệu tự nguyện được chính quyền chính thức thể chế hoá trở thành quy định

chính thức, cơ chế nhà nước vào cuộc, định hình tiêu chuẩn buôn bán vận chuyển lúa gạo cho tất cả các vùng. Tới năm 1910 đã hình thành 33 cơ sở đánh giá chất lượng gạo. Các cơ sở này vận hành theo cơ chế cộng đồng do các công ty tư nhân hay hợp tác xã làm dịch vụ thẩm định, đánh giá, đóng gói, cất trữ gạo. Các cơ sở này còn cấp giấy chứng nhận tín dụng gọi là “tín phiếu gạo” dùng cho nông dân và thương nhân để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Ở Việt Nam, cũng tương tự thời kỳ này, sau khi chiếm đóng 6 tỉnh Nam Kỳ thập kỷ 1870, thực dân Pháp đẩy mạnh sản xuất lúa hàng hoá xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long. Kinh doanh gạo ở Nam Bộ do hai cộng đồng doanh nhân hoàn toàn khác nhau về văn hoá, công nghệ, tổ chức nắm giữ. Cộng đồng người Hoa nắm khâu thu mua từ nông dân, vận chuyển về các kho vựa tại Sài Gòn - Chợ Lớn. Cộng đồng doanh nhân người Âu vận chuyển bằng tàu và xuất khẩu đi các thị trường quốc tế. Hoạt động không ăn khớp khiến chất lượng gạo kém, không đồng đều và làm giảm khả năng cạnh tranh.

Ngày 12 tháng 9 năm 1874, các thương nhân cả hai cộng đồng đã ký biên bản: “... Lo lắng về tình trạng lúa gạo của chúng ta bị mất giá trên mọi thị trường tiêu thụ do chất lượng kém... Tất cả những thương nhân người Hoa ký tên dưới đây hứa danh dự với người Âu và với chính bản thân họ rằng: ... Hai loại gạo ngon sẽ được bán cho thương nhân người Âu là gạo Gò Công hay gạo tròn, và gạo Vĩnh Long hay

gạo dài, đúng theo hạt gạo làm mẫu. Các loại gạo này không có bất cứ sự pha trộn nào và không được vượt quá 3%-5% thóc... Gạo bán ra không phù hợp với các hợp đồng đã ký sẽ phải bồi thường theo ấn định của các trọng tài. Gạo làm mẫu sẽ đặt tại Phòng Thương mại, được sử dụng để đối chiếu trong trường hợp có tranh chấp". Từ đó hệ thống kinh doanh lúa gạo ở Nam Bộ trở nên hoàn thiện và đã biến vùng này trở thành vùng chuyên canh xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.

Khi đã rời khỏi các hoạt động quản lý kỹ thuật, các cơ quan nhà nước dồn sức tập trung vào các nhiệm vụ quản lý chính yếu nhất. Nhờ đó, quy mô của nhà nước được thu gọn, nhưng hiệu quả giám sát quản lý xã hội được tăng lên. Trong mô hình này, các tổ chức cộng đồng đã hoàn toàn thay đổi về bản chất, chuyển từ hoạt động và hình thành tự phát sang thành các đơn vị được luật hóa, do nhà nước cấp phép, trao quyền thi hành một phần dịch vụ công và đóng một phần vai trò quản lý, được sử dụng một phần ngân sách hỗ trợ của nhà nước trong phạm vi trực tiếp phục vụ lợi ích của cộng đồng mình. Tuy nhiên, các tổ chức này vẫn là tổ chức cộng đồng, được bầu lên bởi các thành viên và phần lớn chi phí hoạt động vẫn do thành viên đóng góp, là đại diện kinh tế và chính trị cho họ.

2.3. Thách thức và cơ hội

Ở Việt Nam hiện nay, trong ba cơ chế quản lý xã hội là cơ chế nhà nước, cơ chế thị trường, cơ chế cộng đồng thì Nhà nước và thị trường đã có thời gian phát triển tương đối dài lâu và đạt kết quả rực rỡ, riêng cơ chế cộng đồng đang đứng trước giai đoạn phát triển đột phá, trở thành một trong ba chân kiềng điều hành xã hội. Do đi sau hai cơ chế kia và xuất phát điểm yếu, việc biến các tổ chức cộng đồng từ những tổ chức tự phát quy mô nhỏ ở cơ sở lên thành cơ chế để phối hợp với Nhà nước và thị trường tham gia điều hành toàn bộ nền kinh tế là một cuộc cách mạng to lớn về thể chế.

Hoạt động hiệu quả của các tổ chức cộng đồng sẽ góp phần quan trọng giảm bớt gánh nặng và tăng hiệu quả cho hoạt động của nhà nước. Cho phép các cơ quan nhà nước tập trung vào các hoạt động cốt lõi như xây dựng quy hoạch, chiến lược, chính sách, để nâng cao chất lượng quản lý. Các nhiệm vụ cụ thể của nhà nước về quản lý kỹ thuật, quản lý cơ sở, quản lý thị trường chia sẻ bớt cho các tổ chức cộng đồng có đủ năng lực và có chi nhánh rộng rãi, có động lực thực hiện hiệu quả. Đây là cơ hội to lớn và giải pháp duy nhất giúp nhà nước thực hiện các cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, giải quyết vấn đề tiền lương, cải thiện căn bản bài toán chi tiêu công,

xóa bỏ tình trạng tham nhũng, lãng phí, nâng cao chất lượng công tác quản lý lên ngang tầm các quốc gia hiện đại.

Việc tham gia của các tổ chức cộng đồng vào công tác phát triển và quản lý thị trường sẽ góp phần làm giảm các thất bại của thị trường. Với tinh thần chủ động, thái độ làm chủ, toàn bộ thành viên trong cộng đồng ngành nghề đều trở thành người trực tiếp quản lý, tự giám sát chặt chẽ các hoạt động của từng thành viên. Bộ máy giám sát dựa vào cộng đồng sẽ bảo đảm sự công bằng, tiết kiệm, không để lọt sai sót trong toàn hệ thống. Đây là cách tốt nhất để nâng cao khả năng cạnh tranh ngành hàng và ngăn chặn gian lận từ sản xuất đến thương mại, tránh chạy theo lợi nhuận đơn thuần - bảo đảm dung hòa lợi ích xã hội và môi trường, bảo vệ quyền lợi cả người sản xuất và người tiêu dùng.

Ở Việt Nam trong tương lai, có thể sẽ có sự hợp nhất và phối hợp, đổi mới của các tổ chức chính trị - xã hội, kinh tế - xã hội với các tổ chức cộng đồng kiểu mới như mô tả ở trên. Các đơn vị này sẽ là đại diện cho các thành viên của cộng đồng, đồng thời cũng là cánh tay nối dài của Nhà nước trong các hoạt động thống nhất và phục vụ cho lợi ích của cộng đồng. Đông đảo cán bộ trước nay ăn lương ngân sách, công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước, trong các đơn vị sự nghiệp công lập,

trong các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, kinh tế - xã hội,... có thể từng bước trở thành cán bộ của các tổ chức cộng đồng, các tổ chức phục vụ cộng đồng hoặc các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất, kinh doanh vì lợi nhuận. Nhiều đơn vị, tổ chức trước kia trực thuộc các cơ quan nhà nước sẽ được sắp xếp lại, liên kết, liên doanh, trao quyền tự chủ để trở thành các tổ chức cộng đồng phi lợi nhuận hoặc cổ phần hoá. Quá trình cải cách hành chính phải đi đôi với quá trình phát triển tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Với những chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức cộng đồng mới trên, hình thức thông tin và quản lý của các tổ chức cộng đồng trong tương lai sẽ thay đổi lớn. Để thực hiện tốt các giao dịch trong cộng đồng, thông tin là nhân tố quan trọng hàng đầu. Thông tin trực tiếp giữa các thành viên sẽ được chuyển thành thông tin khoa học khách quan có hệ thống, bảo đảm cho các tổ chức cộng đồng ra được quyết định quản lý, giám sát, đánh giá cho hoạt động của từng thành viên, từng ngành nghề và đối tác liên quan. Công tác này chỉ có kết quả thực sự khi các cộng đồng được nâng cấp về quyền hạn thu thập và được tăng cường năng lực xử lý thông tin. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên môn cũng có sự thay đổi căn bản để có thể đảm nhiệm được các chức năng quản lý với năng lực tốt hơn bộ máy trước đó của

nhà nước và với động lực hăng hái hơn lực lượng trước đó của tư nhân.

Chuyển từ các tổ chức cộng đồng mà thành viên tham gia tự giác theo ý thích, sang thành những tổ chức tham gia có ràng buộc, chịu trách nhiệm quản lý chính các hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhóm đối tượng trong cộng đồng rộng lớn hơn, trình độ và trách nhiệm quản lý của các tổ chức cộng đồng phải được nâng lên một mức mới. Bên cạnh ban lãnh đạo cộng đồng - được bầu dựa trên sự tín nhiệm của các thành viên - phải có những người phụ trách cộng đồng có năng lực lãnh đạo, ra quyết định, kêu gọi tham gia, v.v. và phối hợp với các cơ quan nhà nước và các đối tác liên quan. Thủ lĩnh cộng đồng của cư dân nông thôn là người đóng vai trò đại diện sang thành thủ lĩnh cộng đồng chuyên nghiệp có vai trò dẫn dắt, giám sát, huy động các thành viên trong cộng đồng. Kỹ năng quản lý cộng đồng phải trở thành một kỹ năng được đào tạo chính thức. Cũng như biến chuyển trong quản lý nhà nước và phát triển thị trường, cơ chế cộng đồng ở Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn hiện đại.

Bằng việc nâng cao ý thức và khả năng làm chủ của từng thành viên trong các cộng đồng, tinh thần tự chủ, đoàn kết sáng tạo trong toàn xã hội sẽ được nâng cao. Đây là con đường tốt nhất để thay đổi tư duy người sản xuất nhỏ, xây dựng tác

phong làm việc công nghiệp, liên kết, sáng tạo, kỷ luật. Đây là cách tốt nhất để thúc đẩy nông dân, doanh nhân phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng hiệp hội, đẩy mạnh liên kết ngành. Đồng thời các tổ chức ngành nghề sẽ gắn với nhau theo chuỗi giá trị liên kết dọc - gắn kết nông dân với doanh nhân, người kinh doanh vật tư với người kinh doanh nông sản, doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Làm được như vậy, tư duy sản xuất manh mún sẽ được chuyển thành tư duy sản xuất kinh doanh lớn có sự liên kết chặt chẽ.

2.4. Đổi mới tư duy, quyết tâm chính trị

Rõ ràng quá trình phát triển của các tổ chức cộng đồng trong thời gian tới là cuộc cách mạng to lớn về thể chế, trong đó cản trở đầu tiên cần vượt qua là đổi mới tư duy. Từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến mỗi người dân, phải thống nhất rằng phát triển cộng đồng là giải pháp hợp lý và hiệu quả nhất để đột phá giải quyết cuộc khủng hoảng thể chế hiện nay. Phát triển cộng đồng là giải pháp đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước, cải thiện tình trạng nợ công cũng như khắc phục các mặt xấu của cơ chế thị trường hiện đang trở nên rất bức xúc. Người lãnh đạo ở các cấp phải đặt lòng tin vào nhân dân để tiến hành phân cấp giao quyền, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các cộng đồng

thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, tạo ra cơ hội tiến hành sắp xếp lại bộ máy nhà nước, cải tiến lại mô hình quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công ở các cấp.

Một trở ngại phải vượt qua là sự thiếu đồng bộ trong các quy định pháp lý về vai trò và quyền hạn hoạt động của các tổ chức cộng đồng. Trong hoàn cảnh các luật lệ quy định về các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức đoàn thể đều đang tiếp tục được điều chỉnh và luật hóa, thì việc hình thành một khung khổ pháp lý cho các tổ chức cộng đồng là rất cần thiết. Những kinh nghiệm tốt và bài học hay trên thế giới cần được đúc rút, phối hợp với thực tiễn của các địa phương để gợi ý đề xuất cho quá trình thể chế hóa thành chính sách. Để tổ chức cộng đồng trở thành đơn vị đại diện cho mọi thành viên, chính bản thân họ phải phát huy vị thế làm chủ.

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu rõ: “nông dân là **chủ thể** của quá trình phát triển”¹. Người dân cần thoát ra khỏi thái độ tự ti để tin tưởng vào khả năng và năng lực của chính mình, tin vào sự hỗ trợ và phối hợp của các thành viên khác trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.124.

cộng đồng, dẹp bỏ thói ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên. Từ trong cộng đồng bầu lên những người đại diện thực sự và hết lòng hỗ trợ họ. Mỗi thành viên phải học cách thảo luận, đấu tranh, thương lượng với nhau để phối hợp hành động, phải học cách sáng tạo, đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình, có ý thức và chủ động tham gia quá trình quản lý phát triển.